

## **CHƯƠNG 16**

### **CHÍNH SÁCH CẠNH TRANH**

**(Bản dịch không chính thức của Cục Quản lý cạnh tranh, Bộ Công Thương)**

*Bản này là nội dung cam kết TPP - CPTPP tiếp tục tất cả các cam kết TPP ngoại trừ các nội dung tạm hoãn (được đánh dấu chú thích bởi TTWTO-VCCI)*

## CHƯƠNG 16

### CHÍNH SÁCH CẠNH TRANH

#### **Điều 16.1: Luật và các cơ quan thực thi về cạnh tranh và hành vi kinh doanh phản cạnh tranh<sup>1</sup>**

1. Mỗi Bên phải ban hành hoặc duy trì pháp luật cạnh tranh quốc gia, theo đó cấm hành vi kinh doanh phản cạnh tranh nhằm mục tiêu thúc đẩy hiệu quả kinh tế và phúc lợi người tiêu dùng, và phải thực hiện các hành động phù hợp đối với hành vi đó. Các luật trên phải xem xét đến *Các nguyên tắc của APEC nhằm Tăng cường Cạnh tranh và Cải cách quy định điều tiết ngành* được thông qua tại Auckland ngày 13 tháng 9 năm 1999.

2. Mỗi Bên phải nỗ lực áp dụng luật cạnh tranh quốc gia đối với tất cả các hoạt động thương mại trong phạm vi lãnh thổ nước mình<sup>2</sup>. Tuy nhiên, mỗi Bên có thể đưa ra những miễn trừ nhất định trong việc áp dụng luật cạnh tranh quốc gia với điều kiện các miễn trừ đó là minh bạch và dựa trên cơ sở chính sách công hoặc lợi ích công.

3. Mỗi Bên phải duy trì một hoặc các cơ quan chịu trách nhiệm thực thi luật cạnh tranh quốc gia (cơ quan cạnh tranh quốc gia). Mỗi Bên phải đảm bảo rằng chính sách thực thi của một hoặc các cơ quan đó là phù hợp với các mục tiêu đề ra ở Đoạn 1 và không được phân biệt đối xử dựa trên quốc tịch.

#### **Điều 16.2: Thủ tục công bằng trong thực thi luật cạnh tranh<sup>3</sup>**

1. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng trước khi áp dụng một biện pháp xử phạt hoặc biện pháp khắc phục đối với một người vi phạm pháp luật cạnh tranh của nước đó, cần cho phép người đó:

- (a) biết được thông tin về các quan ngại cạnh tranh của cơ quan cạnh tranh quốc gia;
- (b) có cơ hội hợp lý để có luật sư đại diện; và
- (c) có cơ hội hợp lý để được điều trần và trình bày các chứng cứ bảo vệ mình, trừ trường hợp Bên đó có thể cho phép người đó được điều trần và trình bày chứng cứ trong một khoảng thời gian thích hợp sau khi ấn định hình thức xử phạt hoặc biện pháp khắc phục tạm thời.

---

<sup>1</sup> Điều này thuộc phạm vi điều chỉnh của Phụ lục 16-A (Áp dụng Điều 16.2, Điều 16.3 và Điều 16.4 đối với Bru-nây Đa-rút-xa-lam).

<sup>2</sup> Để rõ ràng hơn, không điều nào trong khoản 2 được hiểu là không cho phép các bên áp dụng luật cạnh tranh của mình đối với các hoạt động thương mại bên ngoài lãnh thổ có tác động phản cạnh tranh trong phạm vi thẩm quyền pháp lý của mình.

<sup>3</sup> Điều này thuộc phạm vi điều chỉnh của Phụ lục 16-A (Áp dụng Điều 16.2, Điều 16.3 và Điều 16.4 đối với Bru-nây Đa-rút-xa-lam).

Cụ thể, mỗi Bên phải cho phép bên vi phạm một cơ hội hợp lý để trình bày chứng cứ hoặc lời khai bào chữa cho mình, bao gồm: nếu có thể áp dụng, việc cung cấp những phân tích của chuyên gia có chuyên môn phù hợp; thẩm vấn chéo bất kỳ nhân chứng đưa ra lời khai; và xem xét và bác bỏ chứng cứ đưa ra trong quá trình tố tụng<sup>4</sup>.

2. Mỗi Bên phải áp dụng hoặc duy trì các thủ tục bằng văn bản để tiến hành điều tra theo luật cạnh tranh quốc gia. Nếu các vụ việc điều tra đó không có thời hạn kết thúc cụ thể, cơ quan cạnh tranh quốc gia của mỗi Bên phải nỗ lực tiến hành việc điều tra trong khoảng thời gian hợp lý.

3. Mỗi Bên phải áp dụng hoặc duy trì các quy định về thủ tục tố tụng và chứng cứ áp dụng trong quá trình tố tụng đối với các hành vi bị cáo buộc vi phạm luật cạnh tranh quốc gia và xác định hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục theo đó. Các quy định này phải bao gồm các thủ tục đưa ra bằng chứng, bao gồm các bằng chứng của chuyên gia nếu có thể áp dụng, và sẽ áp dụng bình đẳng cho tất cả các bên tham gia tố tụng.

4. Mỗi Bên phải dành cho người là đối tượng áp dụng biện pháp xử phạt hoặc khắc phục do hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh của nước mình cơ hội được xem xét lại hình thức xử phạt hoặc biện pháp khắc phục, bao gồm việc xem xét các sai sót bản chất hoặc sai sót về thủ tục tố tụng bị cáo buộc, tại một tòa án hoặc một hội đồng độc lập được thành lập theo pháp luật Bên đó.

5. Mỗi Bên phải cho phép cơ quan cạnh tranh nước đó giải quyết vi phạm bị cáo buộc một cách tự nguyện thông qua sự chấp thuận của cơ quan cạnh tranh với đối tượng bị điều tra. Một Bên có thể cho phép cơ chế dàn xếp tự nguyện cần được tòa án hoặc hội đồng độc lập chấp thuận hoặc lấy ý kiến của công chúng trước khi đưa ra phán quyết cuối cùng.

6. Nếu cơ quan cạnh tranh của một Bên thông báo tới công chúng về một cuộc điều tra đang được xem xét hoặc đang tiến hành thì trong thông báo, cơ quan cạnh tranh đó phải tránh hàm ý rằng người được nhắc đến trong thông báo đó tham gia vào hành vi bị cáo buộc hoặc vi phạm pháp luật cạnh tranh quốc gia của Bên đó.

7. Trong trường hợp một cơ quan cạnh tranh quốc gia cáo buộc có sự vi phạm pháp luật cạnh tranh quốc gia thì cơ quan đó phải có trách nhiệm xây dựng cơ sở pháp lý và chứng cứ thực tiễn đối với hành vi bị cáo buộc đó trong quá trình tố tụng<sup>5</sup>.

8. Mỗi Bên phải quy định về việc bảo vệ bí mật kinh doanh, và những thông tin khác mà cơ quan cạnh tranh thu thập trong quá trình điều tra cần được giữ bí mật theo quy định pháp luật quốc gia. Trong trường hợp cơ quan cạnh tranh quốc gia của một nước sử dụng hoặc có ý định sử dụng các thông tin đó trong quá trình thực thi, Bên đó phải có cơ chế cho phép bên bị

---

<sup>4</sup> Theo Điều này, quá trình tố tụng có nghĩa là quá trình tố tụng tư pháp hoặc hành chính sau một cuộc điều tra cáo buộc vi phạm pháp luật cạnh tranh.

<sup>5</sup> Không điều nào trong khoản 7 có thể ngăn cản một Bên nếu Bên đó yêu cầu một chủ thể không đồng ý với cáo buộc phải có trách nhiệm đưa ra các yếu tố nhất định để chống lại các cáo buộc trên.

điều tra được kịp thời tiếp cận thông tin cần thiết để chuẩn bị cho việc bào chữa trước cáo buộc của cơ quan cạnh tranh một cách phù hợp và đúng quy định pháp luật.

9. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng các cơ quan cạnh tranh cho phép cho bên vi phạm trong quá trình điều tra hành vi vi phạm luật cạnh tranh có cơ hội hợp lý để được tham vấn với cơ quan cạnh tranh về những vấn đề liên quan đến pháp lý, thực tế và thủ tục phát sinh trong quá trình điều tra.

### **Điều 16.3: Quyền khởi kiện cá nhân<sup>6</sup>**

1. Theo mục đích của Điều này, “quyền khởi kiện cá nhân” là quyền cho phép một người tìm cách khắc phục, bao gồm cả biện pháp ngăn chặn, bằng tiền hoặc các biện pháp khắc phục khác, từ một tòa án hoặc hội đồng độc lập khác về tổn thất cho việc kinh doanh hoặc tài sản của người đó do một hành vi vi phạm luật cạnh tranh quốc gia, một cách độc lập hoặc sau khi cơ quan cạnh tranh quốc gia phát hiện một hành vi vi phạm.

2. Nhận thức rằng quyền khởi kiện cá nhân là sự bổ sung quan trọng cho tổ tụng công của pháp luật cạnh tranh quốc gia, mỗi Bên nên thông qua hoặc duy trì pháp luật hoặc các biện pháp khác nhằm cho phép thực hiện quyền khởi kiện cá nhân một cách độc lập.

3. Nếu một Bên không áp dụng hoặc duy trì pháp luật hay các biện pháp cho phép quyền khởi kiện cá nhân độc lập, Bên đó phải áp dụng hoặc duy trì pháp luật hoặc các biện pháp khác cho phép một người có quyền:

(a) yêu cầu cơ quan cạnh tranh quốc gia khởi xướng điều tra đối với một hành vi bị cáo buộc vi phạm pháp luật cạnh tranh quốc gia; và

(b) tìm cách khắc phục từ tòa án hoặc một hội đồng độc lập khác sau khi cơ quan cạnh tranh quốc gia phát hiện một hành vi vi phạm.

4. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng quyền theo khoản 2 hoặc 3 được dành cho người của Bên khác với các điều kiện không kém thuận lợi hơn so với quyền dành cho người của Bên đó.

5. Một Bên có thể xây dựng các tiêu chí hợp lý để thực hiện bất kì quyền nào mà Bên đó đặt ra hoặc duy trì phù hợp với Điều này.

### **Điều 16.4: Hợp tác**

---

<sup>6</sup> Điều này thuộc phạm vi điều chỉnh của Phụ lục 16–A (Áp dụng Điều 16.2, Điều 16.3 và Điều 16.4 đối với Bru-nây Đa-rút-xa-lam).

1. Các Bên công nhận tầm quan trọng của việc hợp tác và phối hợp giữa cơ quan cạnh tranh các nước nhằm thúc đẩy thực thi pháp luật cạnh tranh hiệu quả trong khu vực thương mại tự do. Theo đó, mỗi Bên phải:

(a) hợp tác trong lĩnh vực chính sách cạnh tranh bằng cách trao đổi thông tin về sự phát triển của chính sách cạnh tranh; và

(b) hợp tác trong khả năng sẵn có của mình về các vấn đề thực thi pháp luật cạnh tranh, bao gồm việc thông báo, tham vấn và trao đổi thông tin.

2. Các cơ quan cạnh tranh quốc gia của một Bên có thể xem xét thỏa thuận hợp tác trong đó đề ra các điều khoản hợp tác trên cơ sở mà hai bên chấp nhận với các cơ quan cạnh tranh của Bên khác.

3. Các Bên phải hợp tác theo cách thức phù hợp với luật, quy định và lợi ích quan trọng của mình trong khuôn khổ nguồn lực sẵn có.

#### **Điều 16.5: Hỗ trợ kỹ thuật**

Nhận thức rằng các Bên sẽ có lợi từ việc chia sẻ kinh nghiệm đa dạng về phát triển, áp dụng và thực thi pháp luật cạnh tranh trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách cạnh tranh của các nước, các Bên sẽ xem xét thực hiện các hoạt động thỏa thuận chung về hỗ trợ kỹ thuật, dựa trên nguồn lực sẵn có, gồm:

(a) cung cấp tư vấn hoặc đào tạo các vấn đề liên quan, bao gồm thông qua trao đổi cán bộ;

(b) trao đổi thông tin và kinh nghiệm về tuyên truyền chính sách cạnh tranh, bao gồm các biện pháp thúc đẩy văn hóa cạnh tranh; và

(c) hỗ trợ một Bên trong quá trình thực thi luật cạnh tranh mới.

#### **Điều 16.6: Bảo vệ người tiêu dùng**

1. Các Bên công nhận tầm quan trọng của chính sách và thực thi bảo vệ người tiêu dùng nhằm tạo ra các thị trường hiệu quả và mang tính cạnh tranh và tăng cường phúc lợi người tiêu dùng trong khu vực thương mại tự do.

2. Với mục đích của Điều này, các hoạt động thương mại mang tính gian lận và lừa đảo là các hành động thương mại gian lận và lừa đảo gây thiệt hại thực tế cho người tiêu dùng, hoặc dẫn đến một nguy cơ gây thiệt hại sắp xảy ra nếu như không được ngăn chặn, chẳng hạn như:

(a) hành vi diễn tả sai thực tế vật chất, bao gồm diễn tả có hàm ý gây nhầm lẫn so với thực tế, gây thiệt hại đáng kể đến lợi ích kinh tế của người tiêu dùng bị nhầm lẫn;

(b) hành vi không cung cấp sản phẩm hoặc cung cấp dịch vụ cho người tiêu dùng sau khi người tiêu dùng đã trả tiền; hoặc

(c) hành vi tính phí hoặc ghi nợ tài chính, điện thoại hoặc tài khoản khác của người tiêu dùng mà không được phép.

3. Mỗi Bên phải thông qua hoặc duy trì pháp luật bảo vệ người tiêu dùng hoặc các luật hay các quy định khác để cấm các hoạt động thương mại gian lận và lừa đảo<sup>7</sup>.

4. Các Bên công nhận rằng các hoạt động thương mại gian lận và lừa đảo ngày càng mang tính chất xuyên quốc gia, do đó quá trình hợp tác và phối hợp giữa các Bên là rất quan trọng nhằm xử lý các hành vi này.

5. Theo đó, các Bên phải tăng cường hợp tác và phối hợp một cách thích hợp về các vấn đề cùng quan tâm liên quan đến hoạt động thương mại gian lận và lừa đảo, bao gồm việc thực thi luật bảo vệ người tiêu dùng.

6. Các Bên phải nỗ lực hợp tác và phối hợp trong các vấn đề đặt ra tại Điều này thông qua cơ quan hoặc cán bộ liên quan chịu trách nhiệm về chính sách, pháp luật hoặc thực thi pháp luật bảo vệ người tiêu dùng được mỗi bên xác định và phù hợp với luật pháp, quy định và lợi ích quan trọng của quốc gia mình trong khuôn khổ nguồn lực sẵn có.

#### **Điều 16.7: Minh bạch hóa**

1. Các Bên công nhận giá trị của việc thực thi pháp luật cạnh tranh của mình một cách minh bạch nhất có thể.

2. Nhận thức được giá trị của Cơ sở dữ liệu Luật và Chính sách cạnh tranh của APEC trong việc nâng cao tính minh bạch của luật, chính sách cạnh tranh quốc gia và các hoạt động thực thi, mỗi Bên phải nỗ lực để duy trì và cập nhật thông tin của mình trên cơ sở dữ liệu đó.

3. Khi có yêu cầu của một Bên khác, một Bên phải cung cấp cho Bên yêu cầu những thông tin công khai liên quan đến:

(a) chính sách và các biện pháp thực thi luật cạnh tranh; và

(b) các trường hợp miễn trừ, loại trừ áp dụng pháp luật cạnh tranh, với điều kiện yêu cầu cần nêu rõ thị trường và hàng hóa hoặc dịch vụ có liên quan và gồm cả các thông tin cho thấy việc miễn trừ, loại trừ đó có khả năng gây cản trở tới thương mại hoặc đầu tư giữa các Bên như thế nào.

---

<sup>7</sup> Để rõ ràng hơn, các luật hoặc quy định được một Bên thông qua hoặc duy trì để cấm các hoạt động này về bản chất có thể là luật dân sự hoặc hình sự.

4. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng một quyết định cuối cùng khẳng định hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh quốc gia phải được thể hiện bằng văn bản và đưa ra những phát hiện thực tiễn và lý do đối với những vấn đề không mang tính chất hình sự, bao gồm các phân tích pháp lý và phân tích kinh tế nếu áp dụng về căn cứ của quyết định.

5. Hơn nữa, mỗi Bên phải đảm bảo rằng quyết định cuối cùng được đề cập trong khoản 4 và bất kỳ mệnh lệnh thực thi quyết định được công bố, hoặc trong trường hợp không công bố thì phải cho công chúng biết đến để những người có liên quan và các Bên khác tiếp cận được. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng phiên bản quyết định hoặc mệnh lệnh được công bố không bao gồm các thông tin mật được pháp luật về công bố thông tin của nước đó quy định.

#### **Điều 16.8: Tham vấn**

Nhằm thúc đẩy sự hiểu biết giữa các Bên, hoặc để giải quyết các vấn đề cụ thể phát sinh theo Chương này, khi có đề nghị của một Bên khác, một Bên phải tham gia tham vấn với Bên đề nghị. Trong văn bản đề nghị, Bên đề nghị tham vấn phải chỉ rõ vấn đề có ảnh hưởng tới thương mại hoặc đầu tư giữa các Bên nếu có liên quan. Bên được yêu cầu tham vấn sẽ phải xem xét đầy đủ và cân nhắc thỏa đáng các quan ngại của Bên kia.

#### **Điều 16.9: Không áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp**

Không Bên nào được yêu cầu giải quyết tranh chấp theo Chương BBB (Giải quyết tranh chấp) đối với các vấn đề phát sinh trong Chương này.

## **Phụ lục 16-A:**

### **Áp dụng Điều 16.2, Điều 16.3 và Điều 16.4 đối với Bru-nây Đa-rút-xa-lam**

1. Nếu vào ngày Hiệp định này bắt đầu có hiệu lực, Bru-nây Đa-rút-xa-lam không có luật cạnh tranh có hiệu lực hoặc chưa thành lập cơ quan cạnh tranh quốc gia, Điều 16.2 (Thủ tục công bằng trong thực thi pháp luật cạnh tranh), Điều 16.3 (Quyền khởi kiện cá nhân) và Điều 16.4 (Hợp tác) sẽ không áp dụng đối với Bru-nây Đa-rút-xa-lam trong thời gian không quá 10 năm kể từ ngày đó.
2. Nếu Bru-nây Đa-rút-xa-lam thành lập một cơ quan hoặc các cơ quan cạnh tranh trước khi kết thúc giai đoạn 10 năm, Điều 16.2 (Thủ tục công bằng trong thực thi pháp luật cạnh tranh), Điều 16.3 (Quyền khởi kiện cá nhân) và Điều 16.4 (Hợp tác) được áp dụng đối với Bru-nây Đa-rút-xa-lam từ ngày thành lập một hay nhiều cơ quan cạnh tranh đó.
3. Trong thời gian 10 năm, Bru-nây Đa-rút-xa-lam phải thực hiện các bước cần thiết phù hợp với điều Điều 16.2 (Thủ tục công bằng trong thực thi pháp luật cạnh tranh), Điều 16.3 (Quyền khởi kiện cá nhân) và Điều 16.4 (Hợp tác) vào cuối giai đoạn 10 năm và phải cố gắng tuân thủ các nghĩa vụ trước khi kết thúc thời hạn này. Theo yêu cầu của một Bên, Bru-nây Đa-rút-xa-lam sẽ thông báo cho các Bên quy trình của mình kể từ khi Hiệp định có hiệu lực đối với việc phát triển và thực thi Luật cạnh tranh quốc gia phù hợp và thiết lập một hoặc nhiều cơ quan cạnh tranh.